

QUỸ ETF SSIAM VNX50

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: *170*/2018/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2018
 Ha Noi, 06 April 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
 SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT
 AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
 To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **05/04/2018**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
 Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Components securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1.700	5,3%
2	ASM	310	0,2%
3	BID	370	1,1%
4	BMP	80	0,4%
5	BVH	130	0,8%
6	CII	400	0,8%
7	CTD	60	0,6%
8	CTG	810	1,9%
9	DCM	280	0,2%
10	DHG	100	0,7%
11	DPM	310	0,4%
12	DRC	120	0,2%
13	DXG	420	1,0%
14	FLC	1.190	0,5%
15	FPT	930	3,7%
16	GAS	200	1,7%
17	GMD	350	0,7%



18	GTN	350	0,2%
19	HBC	230	0,7%
20	HCM	100	0,6%
21	HPG	1.700	6,4%
22	HSG	480	0,7%
23	HUT	400	0,3%
24	ITA	1.100	0,2%
25	KBC	820	0,8%
26	KDC	250	0,6%
27	MBB	2.110	4,9%
28	MSN	950	6,6%
29	MWG	450	3,0%
30	NKG	90	0,2%
31	NLG	190	0,5%
32	NT2	180	0,4%
33	NVL	480	2,4%
34	PDR	190	0,5%
35	PNJ	150	1,9%
36	PVD	430	0,5%
37	PVS	400	0,5%
38	REE	410	1,0%
39	ROS	250	2,1%
40	SAB	210	3,0%
41	SBT	710	0,8%
42	SHB	1.900	1,6%
43	SSI	760	2,0%
44	STB	3.500	3,5%
45	VCB	730	3,4%
46	VCG	100	0,2%
47	VCS	200	1,8%
48	VIC	1.660	13,5%
49	VJC	430	6,0%
50	VNM	670	8,5%
II	Tiền/Cash	11.073.142 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spead between a basket and one lot of ETF in value:*

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket in value* 1.560.021.300 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.571.670.442 VND
- + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 11.073.142 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*
- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	101.000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	41.900	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	73.500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	ACB	49.100	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	CTG	35.900	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	61.700	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	GMD	30.050	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MBB	36.500	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



W

9	MWG	104.900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	NLG	39.500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	PNJ	201.400	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (05/04/2018)	Kỳ này/This Period (04/04/2018)	Chênh lệch/Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	9.700.000	9.700.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	15.900	15.690	210
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			0
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	152.452.032.953	151.463.421.049	988.611.904
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	1.571.670.442	1.561.478.567	10.191.875
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	15.716,70	15.614,78	101,92
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1837,68	1828,2	9,48

Đại diện tổ chức
Organization representative



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC